TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2025/HS-ST
Ngày: 13 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Nguyễn Hữu Hiển và ông Quách Đình Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2026/TLST – HS ngày 33 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐ – HPT ngày 13/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐ – HPT ngày 13/4/2026 đối với bị cáo:

Bùi Thế T, sinh ngày 17/6/1953; Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 034053015138; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 và bà Cao Thị C; Có vợ là Trần Thị N và 03 con lớn sinh năm 1978 và nhỏ sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 12/1971 đến tháng 12/1974 bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo là thương binh hạng 2. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo:

- Luật sư Dương Thị Mai H – Công ty L.(Có mặt)
- Bà Đỗ Thị D -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Sở tư pháp Hưng Yên. (Có mặt)

* Bị hại: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.(Vắng mặt).

Người được bà Phạm Thị T2 ủy quyền: Anh Bùi Hữu D1; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Có mặt)

* Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
- Bà Trần Thị N, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thế T có mối quan hệ họ hàng với bà Phạm Thị T2 và ở cùng thôn. Các gia đình trong Chi họ duy trì ngày cúng thanh minh hàng năm nên đã nộp quỹ bằng thóc. Khoảng năm 2000, bà T2 là người đứng ra nhận 150kg thóc của các gia đình trong họ, số thóc này mục đích cho người trong họ có nhu cầy vay, để lấy lãi cúng thanh minh. Trì có nhu cầu vay nên bà T2 đã giao số thóc đó cho T. Năm 2025, các gia đình trong họ đã đóng góp thóc trước đó yêu câu bà T2 trả lại. Là người trực tiếp cho T vay thóc nên bà T2 đề nghị T trả lại số thóc đó cho bà con trong họ. Bà T2, nhiều lần yêu cầu Trì trả lại thóc, tuy nhiên Trì không trả vì lý do đã chi hết vào việc họ hàng năm nhưng bà T2 không đồng ý. Do vậy, khoảng 16 giờ 20 phút ngày 20/7/2025, bà T2 (là người khỏe mạnh) đi xe đạp từ nhà đến nhà T ở khu đất chuyển đổi, mục đích yêu cầu Trì trả số thóc đã vay. Đến nơi, bà T2 dựng xe sát bờ tường rào lưới B40 rồi đi bộ vào nhà thì thấy T, bà Trần Thị N (vợ T) và bà Phạm Thị T3 ở cùng thôn ở đó. Tại đây, bà T2 yêu cầu T trả lại số thóc đã vay trước đây nhưng T nói số thóc đó đã chi hết vào việc họ nên không còn để trả, giữa hai người lời qua, tiếng lại được bà T3 can ngăn, vợ chồng T yêu cầu bà T2 về nhưng bà T2. không về. Sau đó, T đi từ trong hiên nhà ra cổng cầm 01 cuộn dây kim loại hình tròn (loại dây thép 04 li, có trọng lượng 04 kg) đi lại chỗ bà T2. Tay trái T cầm cuộn sắt đẩy liên tiếp về phía trước người bà T2, bà T2 vừa lùi, vừa giơ hai tay lên đỡ. Sau đó, T tiếp tục dùng tay trái cầm cuộn sắt, tay phải đẩy vào người bà T2 làm bà T2 ngã về phía sau, theo tư thế ngã ngồi xuống mặt đường bê tông. Bà T3 đã đến đỡ bà T2. đứng dậy và đưa bà T2. đi về nhà.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 68/2025/KLTTCT-TTPY&GĐYK ngày 25/8/2025 kết luận: "Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BXT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phân trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thế của bà Phạm Thị T4 là 42% áp dụng phương pháp cộng tại thông tư. Cơ chế hình thành thương tích do tác động bởi dạng lực dồn ép gây nên";

Tại phiên tòa: Bị cáo có mặt nhưng không trình bày được do sức khỏe yếu. Đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản sau: Tổng tiền chi phí điều trị, thuốc, viện phí; chi phí thuê xe đi viện và chi phí mua dụng cụ để phục hồi chức năng theo hướng dẫn của bác sĩ là 33.033.694 đồng. Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bà T2 trong 60 ngày x 350.000. đồng/ngày = 21.000.000 đồng. Tiền tổn thất về tinh thần bằng 20 tháng lương cơ bản: 46.800.000 đồng. 02 người bào chữa cho bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng và kết luận giám định, đồng ý với các khoản bồi thường về viện phí, chi phí khác tổng là 33.033.694 đồng và khoản tiền công của người chăm sóc 21.000.000 đồng, đề nghị xem xét mức tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bị hại từ 10 -15 tháng lương cơ bản.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 - Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Thế T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thế T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 48; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế T mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 5 năm. Ngoài ra còn đề nghị về vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

02 người bào chữa cho bị cáo không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tình hình sức khỏe của bị cáo để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo có sức khỏe yếu, không nói được lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thừa nhận: Hồi 16 giờ 20 phút ngày 20/7/2025, tại nhà ở của Bùi Thế T ở khu đất chuyển đổi thuộc thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, do có mâu thuẫn trong việc vay nợ thóc. Bùi Thế T có hành vi cầm 01 cuộn dây kim loại ở tay trái (loại dây thép 04 li, có trọng lượng 04kg) đẩy liên tiếp vào phía trước người bà T2, đồng thời dùng tay phải đẩy bà T2 theo chiều lùi về phía sau một đoạn làm bà T2 ngã ngồi xuống mặt đường bê tông. Hậu quả bà T2 bị chấn thương cột sống thắt lưng gây vỡ xẹp thân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai, đơn trình báo của bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định tổn thương cơ thể, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Bùi Thế T đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự như Viện

kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

*"**Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 6 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

...".

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội với người từ đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thời gian tham gia quân đội, là thương binh hạng 2 (thương tật 61%), hiện đang hưởng chế độ chính sách theo quy định của nhà nước, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên. Do đó được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, o, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Thời điểm phạm tội, bị cáo hoàn toàn tỉnh táo, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức rõ hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải phải xử bị cáo một mức án phù hợp mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người có công, sau khi thực hiện hành vi phạm tội được một thời gian, bị cáo bị tai biến nên tình trạng sức khỏe rất yếu, mọi sinh hoạt cá nhân của bị cáo phụ thuộc vào người thân trong gia đình, khả năng gây hại cho xã hội bị hạn chế, có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải xử lý bị cáo mức án phạt tù mà chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của bà PhạmThị Tỵ yêu cầu bị cáo bồi thường bồi thiệt hại như sau:

[5.1] Tổng tiền chi phí điều trị, thuốc, viện phí; chi phí thuê xe đi viện và chi phí mua dụng cụ để phục hồi chức năng theo hướng dẫn của bác sĩ là 33.033.694 đồng. Đối với khoản chi phí này đều có hoá đơn và hợp lý nên bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bà T2 trong 60 ngày là 21.000.000 đồng, người bào chữa cho bị cáo và gia đình bị cáo đồng ý mức yêu cầu này. Căn cứ tài liệu xác minh thu nhập cùng loại, thì yêu cầu này của bà T2 là phù hợp, cần chấp nhận.

[5.3] Tiền yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần: Căn cứ tính chất, mức độ hậu quả hành vi, tỷ lệ thương tích và mức độ tổn thất tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà T2, buộc bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại với mức với 28.080.000 đồng.

[5.4] Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 82.113.694 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 50.200.000 đồng tại Thi hành án Hưng Yên. Số tiền này được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường, bị cáo còn phải bồi thường cho bà T2 số tiền là 31.913.694 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 cuộn thép bằng kim loại mà bị cáo đã cầm đẩy bà Phạm Thị T2 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, tuy nhiên số lượng thép ít, có giá trị rất thấp, vợ bị cáo không nhận lại và đề nghị tiêu hủy nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo là người cao tuổi và là người có công với cách mạng có đơn xin miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 48; các Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Điểm d, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thế T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thế T 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thế T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm buộc bị cáo Bùi Thế T bồi thường cho bị hại tổng số tiền 82.113.694 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 50.200.000 đồng tại Thi hành án Hưng Yên theo biên lai thu số 0001371 ngày

04/5/2026 và biên lai thu số 0001426 ngày 12/5/2026. Số tiền này được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường, bị cáo còn phải bồi thường cho bà T2 số tiền là 31.913.694 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cuộn dây thép bằng kim loại.

(*Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra và Thi hành án Hưng Yên).*

5. Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo Bùi Thế T.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/5/2026.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 – Hưng Tên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; bị hại.
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương